TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG** - - - - - - - -	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: **08**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: **06/4/2021**.
"Vềviệctranhchấp Lyhônvàconchung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà ***Vũ Thị Khuôn*** và bà ***Hà Thị Thúy***

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Phương - Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 682/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc *"Tranh chấp ly hôn và con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/Q§XX ngày 09/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/Q§XX ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Th**, sinh năm 1993

Đăng ký hộ khẩu: Thôn 2, xã ĐK, huyện ĐĐ, tỉnh GL.

Hiện cư trú tại: Thôn 1, xã ĐK, huyện ĐĐ, tỉnh GL.

- Bị đơn: Anh **Hà Đình T**, sinh năm 1985

Đăng ký hộ khẩu: Thôn 2, xã ĐK, huyện ĐĐ, tỉnh GL.

Hiện đăng ký tạm trú tại số nhà 11 ngõ 62 phố PL, Khu CKA, phường TM, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Nơi làm việc: Tổ trưởng chuyền 17 - Xưởng lắp giáp của Công ty TNHH Điện Tử BSVN(viết tắt là Công ty BS). Địa chỉ: Lô XN 11, KCN ĐA, phường TM, thành phố Hải Dương.

(Chị Th có mặt tại phiên tòa; anh T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa chị Lê Thị T trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị với anh Hà Đình T có được tự do tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐK , huyện Đd, tỉnh GL vào ngày 12/6/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra việc đánh cãi chửi nhau. Mặt khác anh T có 02 con riêng nên cũng phát sinh từ việc giáo dục các con chung và con riêng. Từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh T bỏ mẹ con chị ra ngoài miền bắc sinh sống và làm việc từ đầu năm 2019 cho đến nay và vợ chồng cũng ly thân từ đó. Trong suốt thời gian ly thân này anh T cắt hết liên lạc, không thăm hỏi hay có trách nhiệm gì với mẹ con chị, chị cũng không biết anh T ở địa chỉ cụ thể nào. Chị đã phải nhờ các bạn bè, người thân để tìm anh T cả một thời gian dài mới được biết anh T đã và đang làm công nhân của Công ty TNHH Điện Tử BS Việt Nam, có địa chỉ tại Lô XN11, KCN ĐA, phường TM, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Đồng thời, anh T thuê nhà trọ tại gia đình ông Nguyễn Văn Ti ở số nhà 11 ngõ 62 phố PL, Khu CKA, phường TM, thành phố Hải Dương, có được ông Ti đăng ký tạm trú cho anh T tại Công an phường TM, thành phố Hải Dương. Sau khi chị biết được số điện thoại và địa chỉ của anh T, chị đã từ GL ra bắc để tìm gặp anh T để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh T đã cố tình gây khó khăn từ chối không gặp chị, đồng thời cũng không phối hợp với chị để làm thủ tục ly hôn. Do vậy, chị khẳng định vợ chồng không còn tình cảm và không thể kéo dài thêm được nữa. Chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

2. Về con chung: Chị Th xác định vợ chồng có 01 con chung là Hà Lê Đức Ng, sinh ngày 29/4/2013. Chị đã và đang trực tiếp nuôi con nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị.

3. Về tài sản chung; tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị Th khẳng định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Th đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập và các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Hà Đình T nhiều lần, thông qua Công ty TNHH Điện Tử BS Việt Nam, có địa chỉ tại Lô XN 11, KCN ĐA, phường TM, thành phố Hải Dương là nơi làm việc của anh T nhưng anh T vẫn không đến Trụ sở Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Do anh T không chấp hành pháp luật nên chị Th có đơn đề nghị Tòa án tiến hành làm việc với anh T và tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng với anh T tại Công

ty BS. Tòa án đã có công văn gửi Công ty nhờ tống đạt cho anh T các văn bản tố tụng và yêu cầu anh T làm việc với Tòa án tại Trụ sở Công ty. Anh T nhận các văn bản tố tụng đầy đủ nhưng đến thời gian làm việc thì anh T không có mặt tại Công ty nên Tòa án không tiến hành làm việc được với anh T. Sau đó, thông qua việc anh T làm việc với cán bộ phòng Hành chính của Công ty thì anh T thể hiện quan điểm của mình tại bản tự khai xác định: *"vợ chồng có mâu thuẫn và không ở với nhau nên dẫn đến cuộc ly hôn này..."*. Đồng thời, anh T giao nộp 01 giấy chứng minh nhân dân của anh T để lưu hồ sơ vụ án. Ngoài ra anh T không cung cấp gì thêm và cũng không đến Trụ sở Tòa án lần nào.

Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại Công ty TNHH Điện Tử BS Việt Nam, có địa chỉ tại Lô XN 11, KCN ĐA, phường TM, thành phố Hải Dương là nơi làm việc của anh T, được đại diện Công ty cung cấp các thông tin và xác định anh Hà Đình T hiện là công nhân của Công ty BS, giữ chức vụ tổ trưởng tại Xưởng lắp ráp của Công ty BS, được Công ty ký hợp đồng lao động từ ngày 11/11/2019 cho đến nay; đồng thời cung cấp cho Tòa án các bản hợp đồng lao động đối với anh T. Mặt khác, Công an phường TM cung cấp thông tin anh T có đăng ký tạm trú tại gia đình ông Nguyễn Văn Tiến ở số nhà 11 ngõ 62 phố PL, Khu CKA, phường TM, thành phố Hải Dương từ tháng 8/2019 cho đến nay. Quá trình ở nhà trọ nhà ông Ti, anh T có ở cùng phòng với anh Lê Văn Th là người cùng quê GL, vợ con anh T không đến thăm hỏi lần nào. Anh T đi làm từ sáng đến tối mới về nhà trọ, ở địa phương anh T không gây mất trật tự trị an gì.

Tại phiên toà hôm nay, chị Th giữ nguyên quan điểm đề nghị Toà án xử cho chị được ly hôn với anh T; chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Hải Dương tham gia phiên tòa:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, thẩm quyền, nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm được qui định tại Điều 48 BLTTDS; Thư ký thực hiện đúng theo Điều 51 của BLTTDS và các quy định khác của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 của BLTTDS; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Th, cho chị Lê Thị Th được ly hôn với anh Hà Đình T. Giao cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con; kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị; Về án phí: Chị Th phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, đương sự trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Hà Đình T thông qua Công ty TNHH Điện Tử BS Việt Nam, có địa chỉ tại Lô XN 11, KCN ĐA, phường TM, thành phố Hải Dương là nơi làm việc của anh T, anh T nhận trực tiếp nhưng vẫn không có mặt tại Trụ sở Tòa án án theo giấy triệu tập của Tòa án. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở khẳng định Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn tố tụng, đã tiến hành giải quyết vụ án đảm bảo tính hợp lệ việc tống đạt, thông báo văn bản tố tụng đối với nguyên, bị đơn nhằm bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự cũng như tạo điều kiện để bị đơn là anh T thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Do vậy, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử xác định bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân và căn cứ cho ly hôn*: Chị Lê Thị Th và anh Hà Đình T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐK, huyện Đd, tỉnh GL vào ngày 12/6/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau. Mặt khác, do anh T đã có 02 con riêng nên trong cuộc sống hàng ngày có sự không đồng nhất về việc giáo dục các con. Từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng xảy ra đánh cãi, chửi nhau, không hạnh phúc. Anh T ra ngoài miền Bắc sinh sống, làm việc còn mẹ cho chị Th

sinh sống và làm việc tại GL, vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay và không liên lạc, thăm hỏi hay có trách nhiệm gì với nhau nên chị Th xin ly hôn anh T, mặc dù tại bản tự khai anh T thể hiện *"muốn được đoàn tụ gia đình để hai vợ chồng cùng nuôi con chung"* nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án; đồng thời cũng từ chối gặp chị Th, không có biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Do vậy, có thể nói anh T không thiện trí hàn gắn tình cảm và đoàn tụ vợ chồng với chị Th. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau. HĐXX xét thấy, chị Th và anh T không thực hiện được các nghĩa vụ trên. Từ đó có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Th được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung:* Chị Th xác định vợ chồng có 01 con chung là Hà Lê Đức Ng, sinh ngày 29/4/2013, chị Th đã và đang trực tiếp nuôi con. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn vợ chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Trong vụ án này, chị Th có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con, đây là nguyện vọng hoàn toàn chính đáng và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế. Mặt khác, cháu Nguyên có nguyện vọng được ở với chị Th. Hiện nay anh T đang sinh sống ở địa bàn thành phố Hải Dương, mẹ cho chị Th sinh sống tại GL, các đương sự không tự thoả thuận được người trực tiếp nuôi dưỡng con sau khi ly hôn nên HĐXX sẽ xem xét giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con và theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con, để tránh việc con bị ảnh hưởng về tâm lý. Mặt khác, chị Th xác định làm nghề tự do nhưng công việc làm và mức thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi dưỡng con, bình quân mỗi tháng khoảng 15-20 triệu đồng. Ngoài ra, chị có nhiều thời gian đưa đón con đi học, con ở với chị Th từ nhỏ, sức khỏe và sự phát triển về trí tuệ của con hoàn toàn tốt. Nên, xét việc giao con cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật và đảm bảo cuộc sống cho con. Việc chị Th tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, HĐXX thấy hiện nay chị Th có công việc làm là nghề phun xăm, làm đẹp cho phụ nữ tại GL, theo xu hướng tích cực và phù hợp với thị yếu của xã hội hiện nay, có mức thu nhập khá ổn định, có khả năng đảm bảo cuộc sống cho con, sự tự nguyện của chị Th phù hợp pháp luật nên cần được chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung và công sức đóng góp với gia đình hai bên:* Chị Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị Lê Thị Th phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Lê Thị Th được ly hôn anh Hà Đình T.

2. Về con chung: Xử giao con là Hà Lê Đức Ng, sinh ngày 29/4/2013 cho chị Lê Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con; kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Hà Đình T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0004974 ngày 29 tháng 12 năm 2000 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị Th đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn (chị Th) có mặt tại phiên tòa biết quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn (anh T) vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

N¬i nhËn:
- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi côc THA d©n sù TP Hải Dương;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã ĐK, huyện ĐĐ, tỉnh GL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Tm. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Trương Thị Tố Uyên